

## BÁO CÁO

### Thị trường lao động trước và sau Tết Nguyên đán năm 2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn số liệu, thông tin để thực hiện “Báo cáo thị trường lao động trước và sau Tết Nguyên đán năm 2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh”, gồm: (1) Khảo sát nhanh về tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp trước và sau Tết Nguyên Đán năm 2024 của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh tại 300 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; (2) Phỏng vấn nhà quản lý tại 6 cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị hoạt động dịch vụ việc làm (gồm Ban quản lý Khu chế xuất Khu công nghiệp Thành phố; Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố; Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn; Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Niên; Trung Tâm Hỗ trợ Thanh niên công nhân; Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố); (3) Thu thập thông tin nhu cầu tuyển dụng của 2.627 lượt doanh nghiệp và 25.988 người có nhu cầu tìm việc trên các trang thông tin điện tử về lao động việc làm. Kết quả được tổng hợp, phân tích cụ thể như sau:

#### I. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRƯỚC TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM 2024

##### 1. Tình hình lao động trong doanh nghiệp

Tình hình sử dụng lao động tại 300 doanh nghiệp được khảo sát (trong đó: có 04 doanh nghiệp nhà nước, 254 doanh nghiệp ngoài nhà nước và 42 doanh nghiệp FDI) với tổng số lao động làm việc tại thời điểm 30/11/2023 là 16.132 người (có 7.682 lao động tính chiếm 47,62%). Trong đó, lao động quản lý là 1.114 người (chiếm 6,9%); lao động gián tiếp là 2.739 người (chiếm 16,98%); lao động trực tiếp là 12.279 người (chiếm 76,12%). Trình độ lao động làm việc trong doanh nghiệp chủ yếu là lao động có trình độ đại học trở lên là 4.439 người (chiếm 27,52%); cao đẳng là 2.760 người (chiếm 17,11%); trung cấp là 2.496 người (chiếm 15,47%); sơ cấp là 4.273 người (chiếm 26,49%); lao động phổ thông là 2.164 người (chiếm 13,41%).

Nhu cầu tuyển dụng tại 300 doanh nghiệp cần 2.210 chỗ làm việc, tập trung ở các ngành như: Công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 50,54%); Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (18,42%); Dịch vụ lưu trú và ăn uống (14,75%); Vận tải kho bãi (5,07%); Thông tin và truyền thông (4,16%); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (2,31%);

Hoạt động kinh doanh bất động sản (1,86%); Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (1,4%); Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (1,4%); Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí (0,09%). Trong đó, nhu cầu tuyển dụng ở trình độ đại học trở lên chiếm 29,77%, cao đẳng chiếm 6,88%, trung cấp chiếm 2,71%, sơ chế chiếm 7,74% và lao động phổ thông chiếm 52,9%.

Tình hình việc làm của người lao động hiện nay tại doanh nghiệp khá ổn định, có 232 lượt doanh nghiệp trả lời cho lao động làm việc bình thường, chiếm 68,64%; có 23 lượt doanh nghiệp trả lời không cho lao động tăng ca, chiếm 6,8%. Tuy nhiên, cũng có 23 lượt doanh nghiệp trả lời thiếu việc làm cho người lao động, chiếm 6,8%; có 29 lượt doanh nghiệp chọn phương án giảm giờ làm việc, chiếm 8,58%; có 31 lượt doanh nghiệp chọn phương án cho lao động thôi việc, chiếm 9,17% với 142 người lao động bị mất việc (trong đó: có 04 lao động quản lý, 24 lao động gián tiếp và 112 lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh).

Đồng thời, khi cho lao động thôi việc, doanh nghiệp cũng sẽ có những chính sách hỗ trợ cho người lao động bị mất việc làm, theo kết quả khảo sát, có 54,84% lượt doanh nghiệp chọn phương án hỗ trợ chi phí mất việc làm cho người lao động hoặc hỗ trợ bằng những hình thức khác như: hỗ trợ tìm kiếm việc làm mới cho người lao động; quà tặng cho người lao động mất việc theo tình hình hoạt động của doanh nghiệp;...

Về các chính sách, phúc lợi hỗ trợ của doanh nghiệp đối với người lao động trong dịp Tết chủ yếu là doanh nghiệp thưởng Tết Nguyên đán cho người lao động với 277 lượt doanh nghiệp lựa chọn, chiếm 92,33% tổng doanh nghiệp khảo sát; có 145 doanh nghiệp chọn thưởng Tết Dương lịch, chiếm 48,33%; có 19 doanh nghiệp chọn hỗ trợ nơi ở tạm thời cho người lao động khó khăn không về quê ăn Tết, chiếm 6,33%; có 6 doanh nghiệp chọn bố trí xe đưa rước người lao động về quê ăn Tết, chiếm 2%; có 5 doanh nghiệp chọn các chính sách, phúc lợi hỗ trợ khác, chiếm 1,67% (bao gồm: hỗ trợ tiền vé, tiền xe về Tết cho lao động ở những miền xa như miền Trung, miền Bắc; hỗ trợ các suất quà nhu yếu phẩm cho những lao động có hoàn cảnh khó khăn;...).

Phần lớn doanh nghiệp trả lời không gặp khó khăn trong công tác tuyển dụng lao động trước và sau Tết với 244/300 doanh nghiệp khảo sát, chiếm 81,33% và có 56/300 doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tuyển dụng lao động, chiếm 18,67%, chủ yếu ở các ngành: bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; công nghiệp chế biến, chế tạo; vận tải kho bãi; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; dịch vụ lưu trú và ăn uống; thông tin và truyền thông;... Những khó khăn doanh nghiệp gặp phải trong công tác tuyển dụng, gồm: lao động không đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp chiếm 68,66% tổng số lượt bình chọn; tiền lương, tiền thưởng thấp chiếm 20,9% lượt bình chọn; điều kiện làm việc (môi trường, an toàn lao động, chế độ quản lý...) chiếm 5,97% lượt bình chọn và các lý do khác chiếm 4,48% lượt (gồm: doanh nghiệp cho rằng sự dịch chuyển lao động trong doanh nghiệp vào thời điểm trước và sau Tết rất ít, dẫn đến số lượng ứng viên ứng tuyển hạn chế,

doanh nghiệp ít có sự lựa chọn đa dạng, phân hóa về nguồn ứng viên cho các vị trí cần tuyển;...)

## 2. Nhu cầu nhân lực trước Tết Nguyên đán

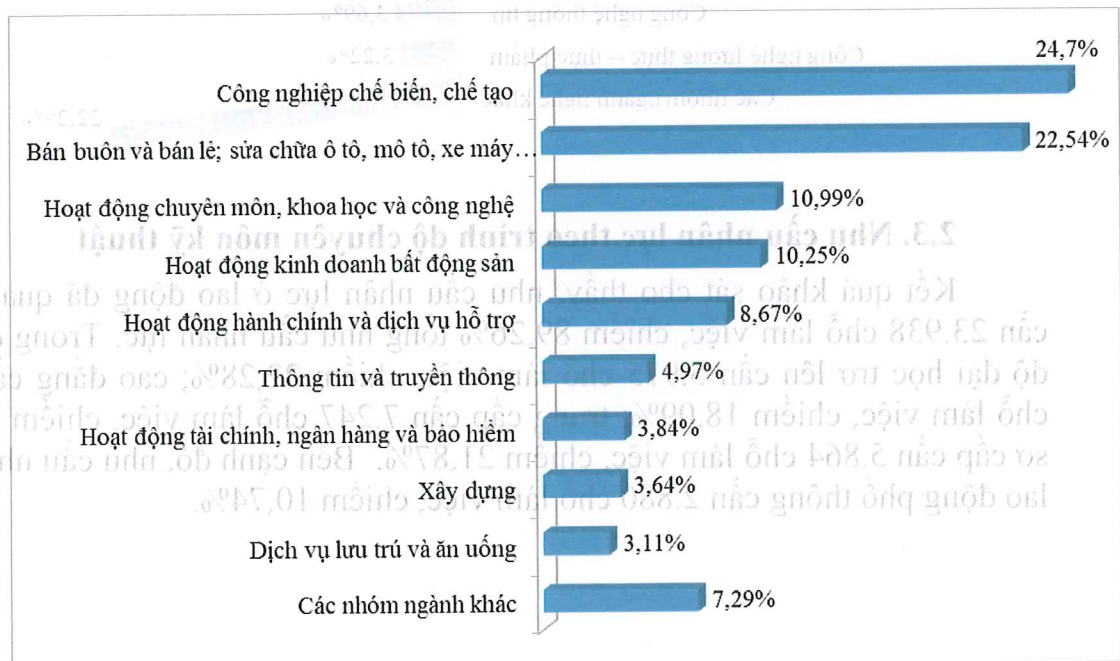
Theo kết quả khảo sát, thu thập thông tin của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh 2.627 lượt doanh nghiệp với 26.818 chỗ làm việc. Trong đó:

### 2.1. Nhu cầu nhân lực theo ngành kinh tế

Nhu cầu nhân lực trước Tết Nguyên đán tập trung chủ yếu ở khu vực thương mại - dịch vụ với 19.106 chỗ làm việc, chiếm 71,23%; khu vực công nghiệp - xây dựng với 7.619 chỗ làm việc, chiếm 28,42%; khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản với 93 chỗ làm việc, chiếm 0,35%.

Trong đó, nhu cầu nhân lực tập trung ở một số ngành như: Công nghiệp chế biến, chế tạo cần 6.625 chỗ làm việc, chiếm 24,7% tổng nhu cầu nhân lực; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác cần 6.046 chỗ làm việc, chiếm 22,54%; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ cần 2.948 chỗ làm việc, chiếm 10,99%; Hoạt động kinh doanh bất động sản cần 2.749 chỗ làm việc, chiếm 10,25%; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ cần 2.325 chỗ làm việc, chiếm 8,67%; Thông tin và truyền thông cần 1.333 chỗ làm việc, chiếm 4,97%; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm cần 1.029 chỗ làm việc, chiếm 3,84%; Xây dựng cần 975 chỗ làm việc, chiếm 3,64% Dịch vụ lưu trú và ăn uống cần 833 chỗ làm việc, chiếm 3,11% và các nhóm ngành khác<sup>1</sup> cần 1.955 chỗ làm việc, chiếm 7,29%.

Biểu 01: Các nhóm ngành có nhu cầu nhân lực cao trước Tết năm 2024



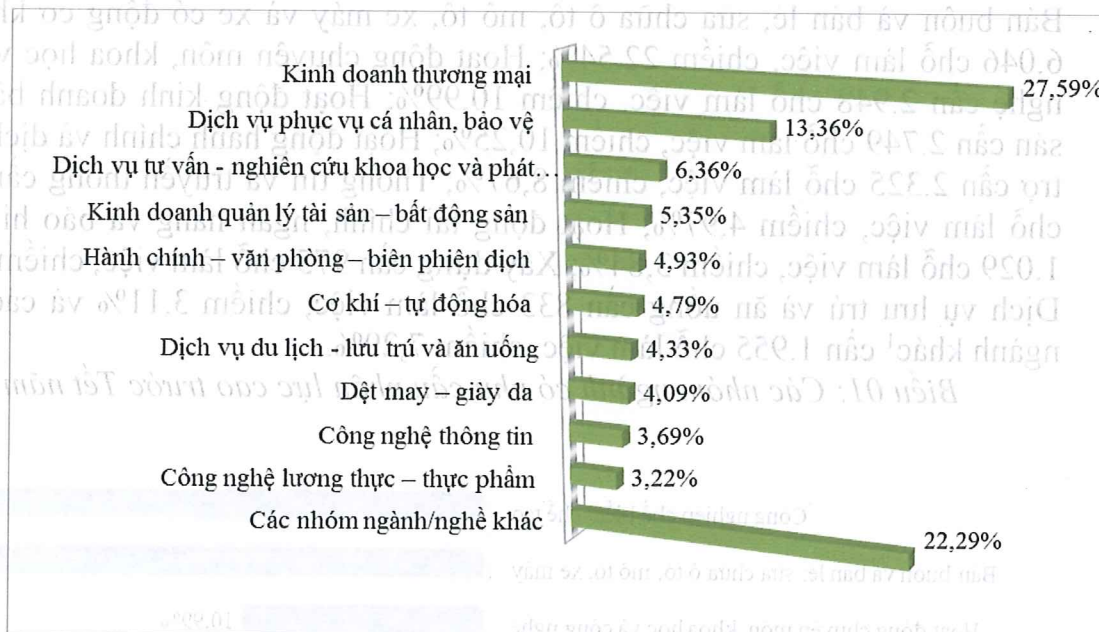
<sup>1</sup> Bao gồm các ngành: Giáo dục và đào tạo; Vận tải kho bãi; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Nghệ thuật, vui chơi giải trí; Hoạt động dịch vụ khác; Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình; Hoạt động của đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí.

## 2.2. Nhu cầu nhân lực theo ngành/ngành

Nhu cầu nhân lực trước Tết Nguyên Đán năm 2024 chủ yếu tập trung ở các nhóm ngành/ngành, như: kinh doanh thương mại chiếm 27,59% tổng nhu cầu nhân lực; dịch vụ phục vụ cá nhân, bảo vệ chiếm 13,36%; dịch vụ tư vấn - nghiên cứu khoa học và phát triển chiếm 6,36%; kinh doanh quản lý tài sản - bất động sản chiếm 5,35%; hành chính - văn phòng - biên phiên dịch chiếm 4,93%; cơ khí - tự động hóa chiếm 4,79%; dịch vụ du lịch - lưu trú và ăn uống chiếm 4,33%; dệt may - giày da chiếm 4,09%; công nghệ thông tin chiếm 3,69%; công nghệ lương thực - thực phẩm chiếm 3,22%.

Các nhóm ngành/ngành khác<sup>2</sup> chiếm 22,29% tổng nhu cầu nhân lực, tập trung ở các vị trí việc làm: nhân viên kiểm định chất lượng; kỹ sư ô tô; kỹ sư điện; quản lý nhân sự; kế toán; kiểm toán; nhân viên logistics;....

Biểu 02: Các ngành/ngành có nhu cầu nhân lực cao trước Tết năm 2024

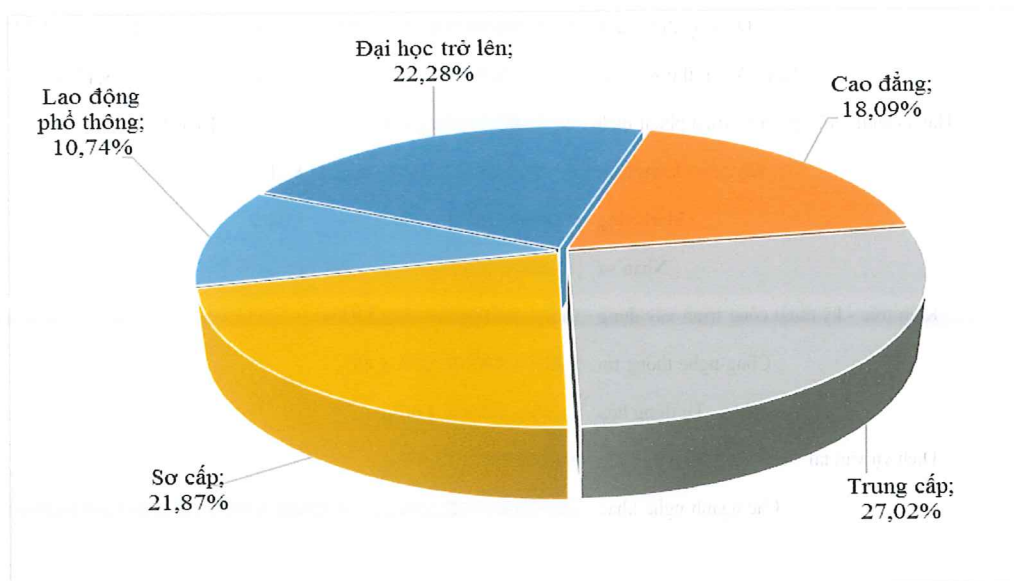


## 2.3. Nhu cầu nhân lực theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Kết quả khảo sát cho thấy, nhu cầu nhân lực ở lao động đã qua đào tạo cần 23.938 chỗ làm việc, chiếm 89,26% tổng nhu cầu nhân lực. Trong đó, trình độ đại học trở lên cần 5.975 chỗ làm việc, chiếm 22,28%; cao đẳng cần 4.852 chỗ làm việc, chiếm 18,09%; trung cấp cần 7.247 chỗ làm việc, chiếm 27,02%; sơ cấp cần 5.864 chỗ làm việc, chiếm 21,87%. Bên cạnh đó, nhu cầu nhân lực ở lao động phổ thông cần 2.880 chỗ làm việc, chiếm 10,74%.

<sup>2</sup> Bao gồm các ngành/ngành: Giáo dục - đào tạo; Marketing; Kiến trúc - kỹ thuật công trình xây dựng; Dịch vụ vận tải - kho bãi - dịch vụ cảng; Kỹ thuật điện - điện lạnh - điện công nghiệp - điện tử; Tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm; Hóa chất - nhựa - cao su; Kế toán - kiểm toán; Quản lý điều hành; Y - Dược; Nhân sự; In ấn; Nông nghiệp - lâm nghiệp và thủy sản; Văn hóa - nghệ thuật - thể dục thể thao & giải trí; Tài nguyên môi trường - cấp thoát nước; Mộc - mỹ nghệ - tiểu thủ công nghiệp; Dịch vụ bưu chính - viễn thông; An toàn lao động - quản lý kiểm định chất lượng; Báo chí - biên tập viên; Luật - pháp lý.

Biểu 03: Nhu cầu nhân lực theo trình độ CMKT trước Tết năm 2024



#### 2.4. Nhu cầu nhân lực theo mức lương và kinh nghiệm làm việc

- *Theo mức lương*: Nhu cầu nhân lực ở mức lương từ 5 - 10 triệu đồng/tháng chiếm 31,8%; mức lương trên 10 - 15 triệu đồng/tháng chiếm 21,95%; mức lương trên 15 - 20 triệu đồng/tháng chiếm 4,39%. Mức lương trên 20 triệu đồng/tháng chiếm 6,59%. Mức lương dưới 5 triệu đồng/tháng chiếm 35,27% tổng nhu cầu nhân lực.

- *Theo kinh nghiệm làm việc*: Nhu cầu nhân lực ở lao động có kinh nghiệm làm việc chiếm 41,17% tổng nhu cầu nhân lực. Trong đó, có 01 năm kinh nghiệm chiếm 37,56%; từ 02 đến 05 năm kinh nghiệm chiếm 3,33%; trên 05 năm chiếm 0,28%. Ngoài ra, nhu cầu nhân lực ở lao động không có kinh nghiệm chiếm 58,83%.

#### 3. Nhu cầu tìm việc trước Tết Nguyên đán

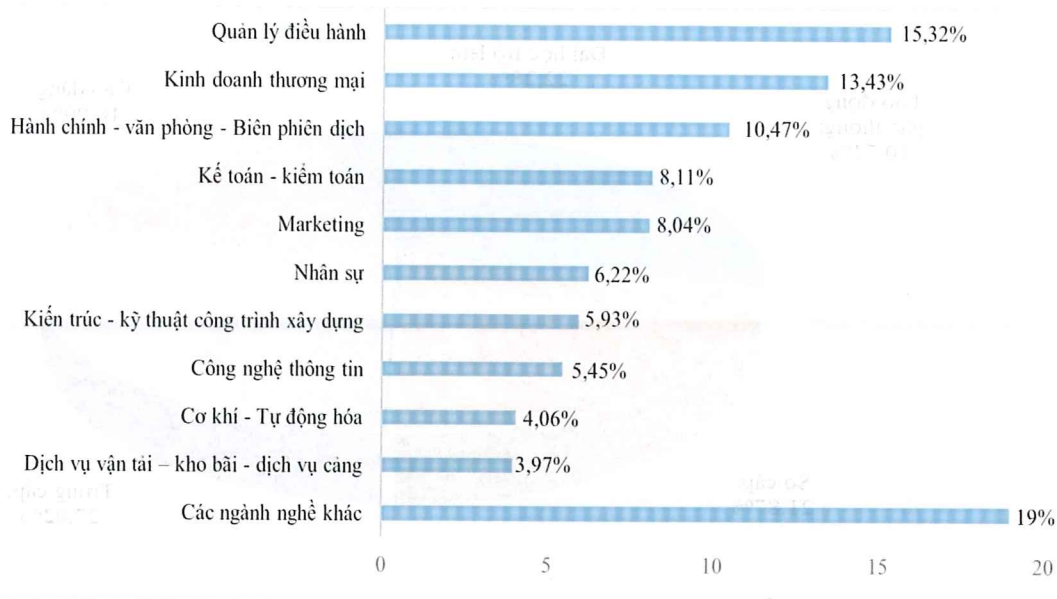
Kết quả khảo sát, thu thập thông tin của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh với 25.988 người có nhu cầu tìm việc.

##### 3.1. Nhu cầu tìm việc theo ngành/ngành

Nhu cầu tìm việc tập trung cao ở một số ngành/ngành như: quản lý điều hành chiếm 15,32% tổng số nhu cầu tìm việc; kinh doanh thương mại chiếm 13,43%; hành chính - văn phòng - biên phiên dịch chiếm 10,47%; kế toán - kiểm toán chiếm 8,11%; marketing chiếm 8,04%; nhân sự chiếm 6,22%; kiến trúc - kỹ thuật công trình xây dựng chiếm 5,93%; công nghệ thông tin chiếm 5,45%; cơ khí - tự động hóa chiếm 4,06%; dịch vụ vận tải - kho bãi - dịch vụ cảng chiếm 3,97%. Bên cạnh đó, các nhóm ngành/ngành khác<sup>3</sup> chiếm 19% tổng nhu cầu tìm việc.

<sup>3</sup> Bao gồm các ngành/ngành: Tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm; Kỹ thuật điện - điện lạnh - điện công nghiệp - điện tử; Công nghệ lương thực - thực phẩm; Luật - pháp lý; An toàn lao động - quản lý kiểm định chất lượng; Dịch vụ tư vấn - nghiên cứu khoa học và phát triển; Giáo dục - đào tạo; Y - Dược; Hóa chất - nhựa - cao

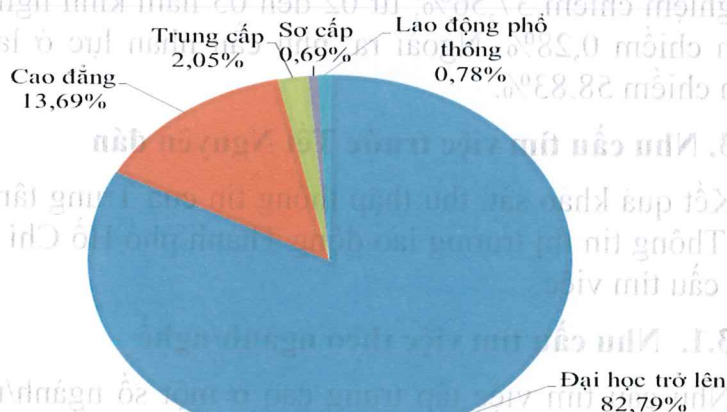
**Biểu 04: Nhu cầu tìm việc theo ngành/nghề trước Tết năm 2024**



### 3.2. Nhu cầu tìm việc theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Nhu cầu tìm việc ở lao động đã qua đào tạo có 25.785 người, chiếm 99,22% tổng nhu cầu tìm việc. Trong đó, nhu cầu tìm kiếm việc làm đối với trình độ đại học trở lên có 21.516 người, chiếm 82,79%; cao đẳng có 3.557 người, chiếm 13,69%; trung cấp có 532 người, chiếm 2,05%; sơ cấp có 180 người, chiếm 0,69%. Nhu cầu tìm việc ở lao động phổ thông có 203 người, chiếm 0,78%.

**Biểu 05: Nhu cầu tìm việc theo trình độ CMKT trước Tết năm 2024**



### 3.3. Nhu cầu tìm việc theo mức lương, kinh nghiệm làm việc

- Về mức lương: nhu cầu tìm việc của người lao động chủ yếu tập trung ở mức lương trên 20 triệu đồng/tháng, chiếm 43,74%; trên 10 - 15 triệu

su; Dịch vụ du lịch - lưu trú và ăn uống; Tài nguyên môi trường - cấp thoát nước; Dịch vụ phục vụ cá nhân, bảo vệ; Kinh doanh quản lý tài sản - bất động sản; Văn hóa - nghệ thuật - thể dục thể thao & giải trí; Công nghệ sinh học; Nông nghiệp - lâm nghiệp và thủy sản; Dệt may - giày da; Báo chí - biên tập viên; Dịch vụ bưu chính - viễn thông; Mộc - mỹ nghệ - tiêu thủ công nghiệp; In ấn.

đồng/tháng chiếm 25,37%; trên 15 - 20 triệu đồng/tháng chiếm 18,89%; từ 5 - 10 triệu đồng/tháng chiếm 11,2%, dưới 5 triệu đồng/tháng chiếm 0,80%.

- Về kinh nghiệm làm việc: nhu cầu tìm việc ở lao động có 01 năm kinh nghiệm làm việc chiếm 10,1%; từ 2 - 5 năm chiếm 28,86%; trên 5 năm chiếm 54,83%. Bên cạnh đó nhu cầu tìm việc ở lao động không có kinh nghiệm chiếm 6,21%.

#### 4. Nhận định chung

Từ kết quả khảo sát của Trung tâm cùng với kết quả phỏng vấn tại 06 cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị hoạt động dịch vụ việc làm, cho thấy<sup>4</sup>:

Tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn với 197/300 doanh nghiệp khảo sát; phần lớn doanh nghiệp gặp khó khăn trong tìm kiếm khách hàng, tiêu thụ sản phẩm, chiếm 55,05% tổng lượt bình chọn của doanh nghiệp; khó khăn về vốn chiếm 28,57% lượt bình chọn; chính sách hỗ trợ chưa kịp thời chiếm 6,27% lượt bình chọn; thiếu vật tư, nguyên liệu sản xuất chiếm 2,79% lượt bình chọn; lý do khác chiếm 7,32%.

Nhìn chung mặc dù kinh tế - xã hội vẫn còn chịu ảnh hưởng do nhiều yếu tố tác động nhưng Thành phố đã kịp thời đề ra nhiều giải pháp khắc phục nhờ đó đã từng bước phục hồi và phát triển theo chiều hướng tích cực hơn. Đặc biệt là vào thời điểm cuối năm, hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp đang dần được cải thiện, các doanh nghiệp chú trọng triển khai các chương trình thu hút khách hàng, đẩy mạnh hoạt động sản xuất - kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm góp phần phát triển thị trường bán lẻ phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết; thêm vào đó số doanh nghiệp thành lập mới tăng lên đã góp phần làm tăng nhu cầu tuyển dụng, đem lại cho Thành phố bức tranh kinh tế - xã hội cũng như thị trường lao động trước Tết Nguyên đán với nhiều tín hiệu khả quan hơn. Nhu cầu tuyển dụng tập trung trong các ngành như dệt may - giày da; dịch vụ lưu trú và ăn uống; bán buôn và bán lẻ; du lịch; dịch vụ giải trí; chăm sóc sức khỏe; dịch vụ cá nhân, bảo vệ;... và tăng ở lao động thời vụ, bán thời gian với nhiều vị trí như: công nhân sản xuất, nhân viên bán hàng, nhân viên kinh doanh, nhân viên giao hàng, nhân viên đóng gói, nhân viên phục vụ,...

Nhằm kết nối cung - cầu lao động, Thành phố tăng cường tổ chức các sàn giao dịch việc làm, ngày hội tuyển dụng theo các hình thức trực tiếp và trực tuyến đã thu hút đông đảo người lao động từ lao động phổ thông đến lao động có trình độ, tay nghề cao tham gia tìm kiếm việc làm. Mặt khác, thông qua các hoạt động doanh nghiệp cũng đã tuyển dụng nguồn lao động đảm bảo nhu cầu sản xuất, kinh doanh trong dịp Tết.

Để nguồn cung lao động đáp ứng nhu cầu tuyển dụng góp phần phát triển, ổn định thị trường lao động, việc làm sau Tết Nguyên đán năm 2024, Thành phố cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các gói hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ việc làm

<sup>4</sup> Phỏng vấn nhà quản lý tại 6 cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị hoạt động dịch vụ việc làm (gồm Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố, Tạp chí Doanh Nhân Sài Gòn, Trung tâm dịch vụ việc làm Thành phố, Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên công nhân Thành phố, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Niên).

cho người lao động; các doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch chăm lo Tết cho người lao động, tiếp tục có những chính sách, phúc lợi hỗ trợ người lao động nhằm thu hút lao động. Mặt khác, người lao động cần tìm hiểu thật kỹ yêu cầu đối với vị trí ứng tuyển, chủ động nâng cao tay nghề, trau dồi kỹ năng phù hợp để có được việc làm bền vững, có thu nhập ổn định.

## II. DỰ BÁO NHU CẦU NHÂN LỰC SAU TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM 2024

Theo dự báo của các tổ chức nước ngoài, tình hình kinh tế thế giới vẫn tiếp tục có nhiều khó khăn, kinh tế trong nước đang từng bước khắc phục những khó khăn bằng nhiều chương trình, giải pháp. Tuy nhiên, với sự tăng trưởng của các doanh nghiệp thành lập mới sẽ tạo việc làm mới cho thị trường lao động Thành phố góp phần làm khởi sắc thị trường lao động sau Tết.

Mặt khác, các cơ quan quản lý nhà nước cùng với doanh nghiệp triển khai nhiều kế hoạch, chính sách chăm lo Tết cho người lao động, như: chế độ lương, thưởng, phúc lợi và tổ chức cho người lao động về quê dịp Tết đã góp phần tích cực ổn định thị trường lao động sau Tết. Thời điểm sau Tết, các doanh nghiệp sẽ tập trung tuyển một lượng lớn lao động để mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh, đây là cơ hội cho sinh viên, học viên mới tốt nghiệp và cũng là cơ hội cho người lao động có nhu cầu thay đổi việc làm phù hợp.

Dự kiến nhu cầu nhân lực sau Tết Nguyên đán năm 2024 cần từ 48.971 - 57.471 chỗ làm việc. Nhu cầu tuyển dụng tập trung ở các ngành, lĩnh vực như: dệt may - da giày; dịch vụ lưu trú và ăn uống; chế biến thực phẩm; nhựa - cao su;

1. Theo loại hình doanh nghiệp: Nhu cầu tuyển dụng trong doanh nghiệp nhà nước chiếm 0,88% tổng nhu cầu nhân lực, doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 88,21%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 10,91%.

2. Theo khu vực kinh tế: Nhu cầu nhân lực tập trung ở khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 70,56% tổng nhu cầu nhân lực, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 28,66% và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 0,78%. Trong đó:

4 ngành công nghiệp trọng yếu: Nhu cầu nhân lực chiếm 20,77%, trong đó: ngành cơ khí chiếm 5,13%; điện tử - công nghệ thông tin chiếm 7,04%; chế biến tinh lương thực thực phẩm chiếm 4,6%; hóa dược - cao su chiếm 4%.

9 ngành dịch vụ chủ yếu: Nhu cầu nhân lực chiếm 59,23%, trong đó: ngành thương mại chiếm 20,07%; kinh doanh tài sản - bất động sản chiếm 7,23%; bưu chính - viễn thông và công nghệ thông tin - truyền thông chiếm 6,12%; dịch vụ thông tin tư vấn, khoa học - công nghệ chiếm 6,05%; tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm chiếm 5,17%; vận tải, kho bãi, dịch vụ cảng - hậu cần hàng hải và xuất nhập khẩu chiếm 4,66%; du lịch chiếm 4,51%; giáo dục và đào tạo chiếm 2,88%; y tế chiếm 2,54%.

3. Theo trình độ chuyên môn kỹ thuật: Nhu cầu nhân lực ở lao động qua đào tạo chiếm 86,55%, trong đó nhu cầu nhân lực có trình độ sơ cấp chiếm



19,74%, trung cấp chiếm 27,77%, cao đẳng chiếm 19,61%, đại học trở lên chiếm 20,43%. Nhu cầu tuyển dụng ở lao động phổ thông chiếm 13,45%./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Lê Văn Thịnh - Giám đốc Sở;
- Đ/c Huỳnh Lê Như Trang – Phó Giám đốc Sở;
- Đ/c Lượm Thị Tới – Phó Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở;
- Phòng Việc làm - An toàn Lao động;
- Phòng Giáo dục Nghề nghiệp;
- Phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội;
- Trung tâm Dịch vụ Việc làm Thành phố;
- Các đơn vị liên kết với Trung tâm;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm;
- Các phòng thuộc Trung tâm;
- Lưu: VT, P.DB-CSDL (Triều).

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Hiếu**



SỞ LAO ĐỘNG  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRUNG TÂM DỰ BÁO NHU CẦU  
NHÂN LỰC VÀ THÔNG TIN  
THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2024

PHỤ LỤC

(Đính kèm báo cáo số: 34/BC-TTDBNL ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động)

Phụ lục 1: Tình hình sử dụng lao động phân theo loại lao động và trình độ chuyên môn kỹ thuật

TT	Chỉ tiêu	Tổng số lao động tại thời điểm 30/11/2023	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng cộng:</b>		<b>16.132</b>	<b>100</b>
<b>Loại lao động</b>			
1	Lao động quản lý	1.114	6,9
2	Lao động gián tiếp	2.739	16,98
3	Lao động trực tiếp	12.279	76,12
<b>Trình độ chuyên môn kỹ thuật</b>			
1	Đại học trở lên	4.439	27,52
2	Cao đẳng	2.760	17,11
3	Trung cấp	2.496	15,47
4	Sơ cấp	4.273	26,49
5	Lao động phổ thông	2.164	13,41

Nguồn: Trung tâm Dự báo NCNL và Thông tin TTLĐ TP.HCM

Phụ lục 2: Nhu cầu nhân lực phân theo khu vực kinh tế trước Tết Nguyên Đán năm 2024

TT	Khu vực kinh tế	Nhu cầu nhân lực (chỗ làm việc)	Tỷ lệ (%)
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	93	0,35
2	Công nghiệp - xây dựng	7.619	28,42
3	Thương mại - dịch vụ	19.106	71,23
<b>Tổng cộng:</b>		<b>26.818</b>	<b>100</b>

Nguồn: Trung tâm Dự báo NCNL và Thông tin TTLĐ TP.HCM

**Phụ lục 3: Nhu cầu nhân lực phân theo ngành kinh tế trước Tết Nguyên Đán năm 2024**

<b>Mã ngành cấp I</b>	<b>Ngành kinh tế</b>	<b>Nhu cầu nhân lực (chỗ làm việc)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
A	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	93	0,35
B	Khai khoáng	15	0,06
C	Công nghiệp chế biến, chế tạo	6.625	24,7
D	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1	0,01
E	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	3	0,01
F	Xây dựng	975	3,64
G	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	6.046	22,54
H	Vận tải kho bãi	550	2,05
I	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	833	3,11
J	Thông tin và truyền thông	1.333	4,97
K	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.029	3,84
L	Hoạt động kinh doanh bất động sản	2.749	10,25
M	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	2.948	10,99
N	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	2.325	8,67
O	Hoạt động của đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	9	0,03
P	Giáo dục và đào tạo	751	2,8
Q	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	359	1,34
R	Nghệ thuật, vui chơi giải trí	81	0,3
S	Hoạt động dịch vụ khác	73	0,27
T	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	20	0,07
U	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	0	0
<b>Tổng cộng:</b>		<b>26.818</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Trung tâm Dự báo NCNL và Thông tin TTLĐ TP.HCM*

**Phụ lục 4: Nhu cầu nhân lực theo ngành/ngành  
trước Tết Nguyên Đán năm 2024**

<b>TT</b>	<b>Ngành/ngành</b>	<b>Nhu cầu nhân lực (chỗ làm việc)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Cơ khí - Tự động hóa	1.285	4,79
2	Kỹ thuật điện - điện lạnh - điện công nghiệp - điện tử	657	2,45
3	Công nghệ thông tin	990	3,69
4	Công nghệ lương thực - thực phẩm	864	3,22
5	Hóa chất - nhựa - cao su	571	2,13
6	Kiến trúc - kỹ thuật công trình xây dựng	687	2,56
7	Tài nguyên môi trường - cấp thoát nước	32	0,12
8	Công nghệ sinh học	0	0
9	Tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm	595	2,22
10	Kế toán - kiểm toán	389	1,45
11	Giáo dục - đào tạo	711	2,65
12	Y - Dược	174	0,65
13	Dịch vụ du lịch - lưu trú và ăn uống	1.161	4,33
14	Kinh doanh quản lý tài sản - bất động sản	1.435	5,35
15	Kinh doanh thương mại	7.398	27,59
16	Marketing	689	2,57
17	Dịch vụ bưu chính - viễn thông	24	0,09
18	Dịch vụ tư vấn - nghiên cứu khoa học và phát triển	1.706	6,36
19	Dịch vụ vận tải - kho bãi - dịch vụ cảng	665	2,48
20	Nhân sự	172	0,64
21	Hành chính - văn phòng - Biên phiên dịch	1.322	4,93
22	Luật - pháp lý	11	0,04
23	Quản lý điều hành	298	1,11
24	Nông nghiệp - lâm nghiệp và thủy sản	88	0,33
25	Mộc - mỹ nghệ - tiểu thủ công nghiệp	32	0,12
26	Dệt may - giày da	1.097	4,09
27	An toàn lao động - quản lý kiểm định chất lượng	21	0,08
28	Báo chí - biên tập viên	16	0,06
29	Văn hóa - nghệ thuật - thể dục thể thao & giải trí	51	0,19
30	Dịch vụ phục vụ cá nhân, bảo vệ	3.583	13,36
31	In ấn	94	0,35
<b>Tổng cộng:</b>		<b>26.818</b>	<b>100</b>

Nguồn: Trung tâm Dự báo NCNL và Thông tin TTLĐ TP.HCM

**Phụ lục 5: Nhu cầu nhân lực theo trình độ chuyên môn kỹ thuật,  
mức lương và kinh nghiệm làm việc trước Tết Nguyên Đán năm 2024**

TT	Chỉ tiêu	Nhu cầu nhân lực (chỗ làm việc)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng cộng:</b>		<b>26.818</b>	<b>100</b>
<b>Trình độ chuyên môn kỹ thuật</b>			
1	Đại học trở lên	5.975	22,28
2	Cao đẳng	4.852	18,09
3	Trung cấp	7.247	27,02
4	Sơ cấp	5.864	21,87
5	Lao động phổ thông	2.880	10,74
<b>Mức lương</b>			
1	Dưới 5 triệu đồng	9.459	35,27
2	Từ 5 - 10 triệu đồng	8.528	31,8
3	Trên 10 - 15 triệu đồng	5.887	21,95
4	Trên 15 - 20 triệu đồng	1.177	4,39
5	Trên 20 triệu đồng	1.767	6,59
<b>Kinh nghiệm làm việc</b>			
1	Chưa có kinh nghiệm	15.777	58,83
2	01 năm	10.073	37,56
3	Từ 02 đến 05 năm	893	3,33
4	Trên 05 năm	75	0,28

*Nguồn: Trung tâm Dự báo NCNL và Thông tin TTLĐ TP.HCM*

**Phụ lục 6: Nhu cầu tìm việc theo ngành/ngành  
trước Tết Nguyên Đán năm 2024**

<b>TT</b>	<b>Nhóm ngành</b>	<b>Nhu cầu tìm việc (đvt: người)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Cơ khí - Tự động hóa	1.054	4,06
2	Kỹ thuật điện - điện lạnh - điện công nghiệp - điện tử	610	2,35
3	Công nghệ thông tin	1.416	5,45
4	Công nghệ lương thực - thực phẩm	561	2,16
5	Hóa chất - nhựa - cao su	223	0,86
6	Kiến trúc - kỹ thuật công trình xây dựng	1.541	5,93
7	Tài nguyên môi trường - cấp thoát nước	93	0,36
8	Công nghệ sinh học	44	0,17
9	Tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm	1.010	3,89
10	Kế toán - kiểm toán	2.108	8,11
11	Giáo dục - đào tạo	264	1,02
12	Y - Dược	243	0,9
13	Dịch vụ du lịch - lưu trú và ăn uống	99	0,38
14	Kinh doanh quản lý tài sản - bất động sản	84	0,32
15	Kinh doanh thương mại	3.490	13,43
16	Marketing	2.089	8,04
17	Dịch vụ bưu chính - viễn thông	11	0,04
18	Dịch vụ tư vấn - nghiên cứu khoa học và phát triển	407	1,57
19	Dịch vụ vận tải – kho bãi - dịch vụ cảng	1.033	3,97
20	Nhân sự	1.617	6,22
21	Hành chính - văn phòng - Biên phiên dịch	2.720	10,47
22	Luật - pháp lý	559	2,15
23	Quản lý điều hành	3.980	15,32
24	Nông nghiệp - lâm nghiệp và thủy sản	44	0,17
25	Mộc - mỹ nghệ - tiểu thủ công nghiệp	2	0,01
26	Dệt may - giày da	43	0,17
27	An toàn lao động - quản lý kiểm định chất lượng	468	1,8
28	Báo chí - biên tập viên	26	0,1
29	Văn hóa - nghệ thuật - thể dục thể thao & giải trí	56	0,22
30	Dịch vụ phục vụ cá nhân, bảo vệ	90	0,35
31	In ấn	3	0,01
<b>Tổng cộng:</b>		<b>25.988</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Trung tâm Dự báo NCNL và Thông tin TTLĐ TP.HCM*

**Phụ lục 7: Nhu cầu tìm việc theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, mức lương, kinh nghiệm làm việc trước Tết Nguyên Đán năm 2024**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nhu cầu tìm việc (đvt: người)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Tổng cộng:</b>		<b>25.988</b>	<b>100</b>
<b>Trình độ CMKT</b>			
1	Đại học trở lên	21.516	82,79
2	Cao đẳng	3.557	13,69
3	Trung cấp	532	2,05
4	Sơ cấp	180	0,69
5	Lao động phổ thông	203	0,78
<b>Mức lương</b>			
1	Dưới 5 triệu đồng	208	0,8
2	Từ 5 - 10 triệu đồng	2.911	11,2
3	Trên 10 - 15 triệu đồng	6.593	25,37
4	Trên 15 - 20 triệu đồng	4.909	18,89
5	Trên 20 triệu đồng	11.367	43,74
<b>Kinh nghiệm làm việc</b>			
1	Chưa có kinh nghiệm	1.614	6,21
2	01 năm	2.626	10,1
3	Từ 02 đến 05 năm	7.500	28,86
4	Trên 05 năm	14.248	54,83

*Nguồn: Trung tâm Dự báo NCNL và Thông tin TTLĐ TP.HCM*